

14. Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2022**Tỷ đồng**

	Thực hiện tháng 5 năm 2022	Ước tính tháng 6 năm 2022	Ước tính 6 tháng năm 2022	Tháng 6 năm 2022 so với cùng kỳ năm 2021 (%)	6 tháng năm 2022 so với cùng kỳ năm 2021 (%)
TỔNG SỐ	4.433,91	4.571,12	24.890,78	115,88	105,39
Lương thực, thực phẩm	2.578,82	2.618,77	15.092,19	123,54	119,61
Hàng may mặc	257,25	269,39	1.367,64	109,70	98,05
Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	466,31	492,89	2.515,96	94,21	82,93
Vật phẩm văn hóa, giáo dục	49,43	50,50	239,85	177,06	106,98
Gỗ và vật liệu xây dựng	326,15	333,13	1.681,67	105,17	86,75
Ô tô các loại	12,13	13,04	63,70	92,86	80,19
Phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng)	85,23	91,65	461,78	86,97	69,80
Xăng, dầu các loại	282,69	310,59	1.436,92	147,25	108,42
Nhiên liệu khác (Trừ xăng, dầu)	99,78	102,55	555,35	118,12	100,97
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	88,81	92,09	486,55	96,75	80,36
Hàng hóa khác	121,57	128,96	651,52	106,26	84,85
Sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ	65,73	67,55	337,64	87,56	80,54